Solis-3P(3-20)K-4G

Inverter Ba pha Solis

360 độ

Đặc trưng:

- Hiệu suất tối đa 98,7%
- Phạm vi điện áp rộng và điện áp khởi động thấp
- Thiết kế 2 MPPT với thuật toán MPPT chính xác
- THDi <1,5%, độ méo sóng hài thấp so với lưới điện
- Nhiều cấp độ bảo vệ
- Tích hợp Quản lý sản lượng hòa lưới (EPM)

Mô hình:

Solis-3P3K-4G	Solis-3P4K-4G	Solis-3P5K-4G
Solis-3P6K-4G	Solis-3P8K-4G	Solis-3P9K-4G
Solis-3P10K-4G	Solis-3P12K-4G	Solis-3P15K-4G
Solis-3P17K-4G	Solis-3P20K-4G	

Bảng thông số

Mô hình	Solis-3P3K-4G	Solis-3P4K-4G	Solis-3P5K-4G	Solis-3P6K-4G	Solis-3P8K-4G	Solis-3P9K-4G	Solis-3P10K-4G	Solis-3P12K-4G	Solis-3P15K-4G	Solis-3P17K-4G	Solis-3P20K-4G
Đầu vào DC											
Công suất đầu vào tối đa đề xuất	3.6 kW	4.8 kW	6 kW	7.2 kW	9.6 kW	10.8 kW	12 kW	14.5 kW	18 kW	20.4 kW	24 kW
Điện áp đầu vào tối đa	1000 V										
Điện áp định mức	600 V										
Điện áp khởi động	180 V										
Phạm vi điện áp MPPT	160-850 V										
Dòng điện đầu vào tối đa	11 A / 11 A							22 A / 22 A			
Dòng điện ngắn mạch tối đa	17.2 A / 17.2 A							34.3 A / 34.3 A			
Số lượng MPPT/ số chuỗi đầu vào tối đa	2/2							2/4			
Đầu ra AC											
Công suất đầu ra định mức	3 kW	4 kW	5 kW	6 kW	8 kW	9 kW	10 kW	12 kW	15 kW	17 kW	20 kW
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa	3.3 kVA	4.4 kVA	5.5 kVA	6.6 kVA	8.8 kVA	9.9 kVA	11 kVA	13.2 kVA	16.5 kVA	18.7 kVA	22 kVA
Công suất đầu ra tối đa	3.3 kW	4.4 kW	5.5 kW	6.6 kW	8.8 kW	9.9 kW	11 kW	13.2 kW	16.5 kW	18.7 kW	22 kW
Điện áp lưới định mức	3/N/PE, 220 V / 380 V, 230 V / 400V										
Tần số lưới định mức	50 Hz / 60 Hz										
Dòng điện đầu ra lưới điện định mức	4.6A/4.3A	6.1A/5.8A	7.6A/7.2A	9.1A/8.7A	12.2A/11.5A	13.7A/13.0A	15.2A/14.4A	18.2A/17.3A	22.8A/21.7A	25.8A/24.6A	30.4A/28.9A
Dòng điện đầu ra tối đa	4.7 A	6.4 A	7.9 A	9.5 A	12.7 A	14.3 A	15.9 A	19.1 A	23.8 A	27 A	31.8 A
Hệ số công suất	> 0,99 (0,8 dẫn đến 0,8 độ trễ)										
Tổng méo hài	<1.5%										
Hiệu suất											
Hiệu suất tối đa	98.3%				98.7%						
Hiệu suất Châu Âu	97.8%				98.1%						
Bảo vệ											
Bảo vệ ngược cực DC	Có										
Bảo vệ ngắn mạch	Có										
Bảo vệ quá dòng đầu ra	Có										
Bảo vệ chống sét	Có										
Giám sát lưới điện	Có										
Bảo vệ chống tách đảo	Có										
Bảo vệ nhiệt độ	Có										
Tích hợp cầu dao DC	Tùy chọn										
Thông số chung											
Kích thước (Rộng*Cao*Sâu)	310*563*219 mm										
Trọng lượng	17.3 kg				18 kg			18.9 kg		19.8 kg	
Cấu trúc liên kết	Không biến áp										
Công suất tự tiêu thụ (đêm)	<1 W										
Phạm vi nhiệt độ môi trường làm việc	-25 ~ +60°C										
Độ ẩm tương đối	0-100%										
Cấp bảo vệ	IP65										
Cách thức làm mát	Đối lưu tự nhiên							Quạt làm mát dự phòng thông minh			
Độ cao so với mực nước biển tối đa để hoạt động	4000 m										
Tiêu chuẩn lưới điện	G98 or G99, VDE-AR-N 4105 / VDE V 0124, EN 50549-1, VDE 0126 / UTE C 15 / VFR:2019, RD 1699 / RD 244 / UNE 206006 / UNE 206007-1, CEI 0-21, C10/11, NRS 097-2-1, TOR, EIFS 2018.2, IEC 62116, IEC 61727, IEC 60068, IEC 61683, EN 50530										
Tiêu chuẩn an toàn/EMC	IEC/EN 62109-1/-2, IEC/EN 61000-6-1/-2/-3/-4										
Đặc trưng											
Kết nối DC	Đầu nối MC4										
Kết nối AC	Cổng kết nối đầu cuối										
Hiển thị	LCD										
Truyền thông	RS485, Tùy chọn: Wi-Fi, GPRS										